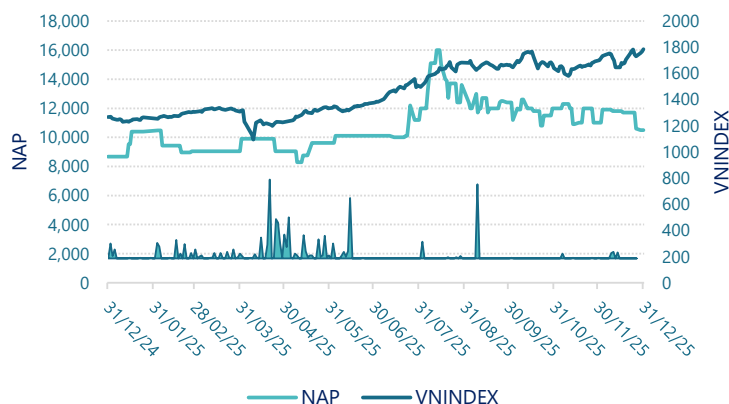


CTCP Cảng Nghệ Tĩnh (HNX: NAP)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	10,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	16,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,290
SL cổ phiếu LH	21,517,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	230
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	226
P/E	9.2
EPS	1,145

DT thuần

Q4/25

63.8

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.60 | 13.6%

YoY: ▲ 18.7 | 41.6%

LN sau thuế

Q4/25

4.28

tỷ VNĐ

QoQ: ▼ 0.89 | -17.2%

YoY: ▲ 0.44 | 11.4%

Tỷ suất lãi EBIT

2025

12.9%

+/- YoY: ▲ 2.3%

DT thuần

2025

246

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 38.0 | 18.4%

LN sau thuế

2025

24.6

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 7.70 | 45.6%

ROE

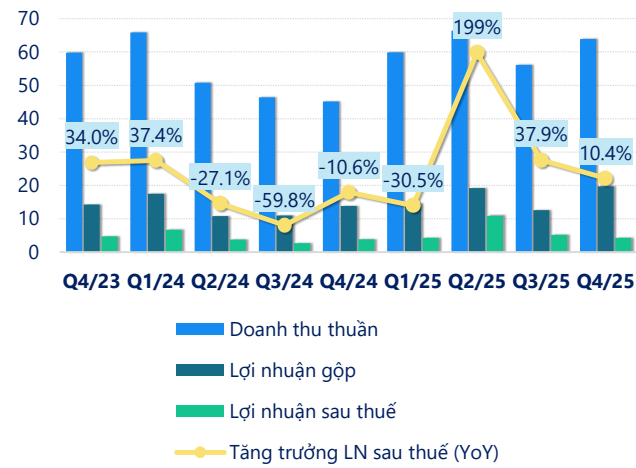
2025

9.9%

+/- YoY: ▲ 2.9%

tỷ VNĐ

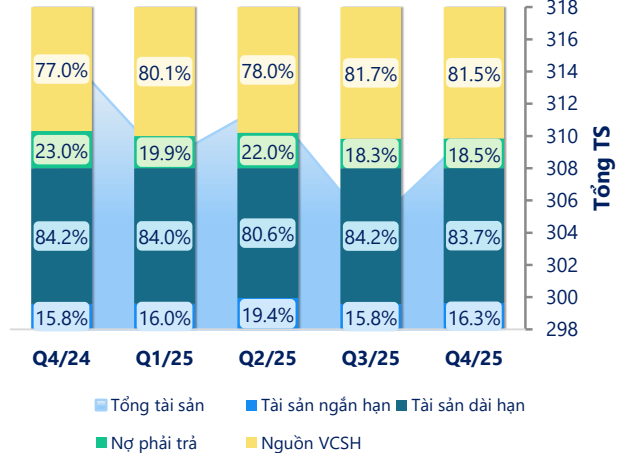
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

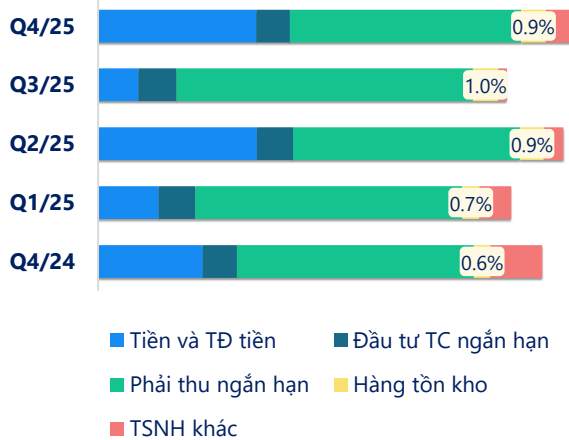
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



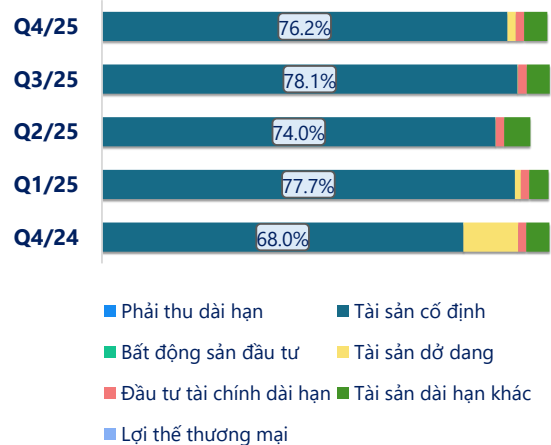
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

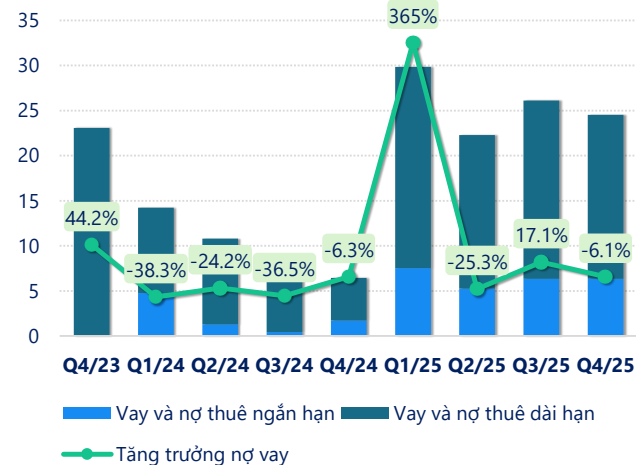
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

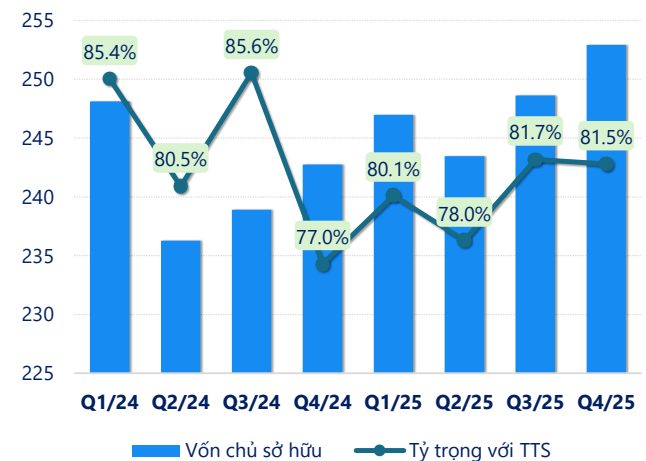
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn

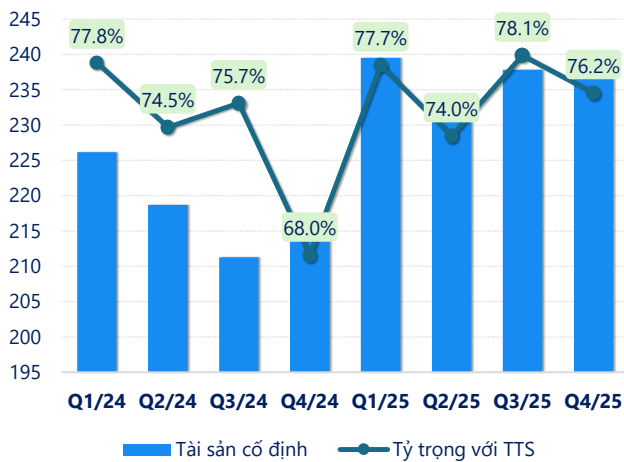

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho

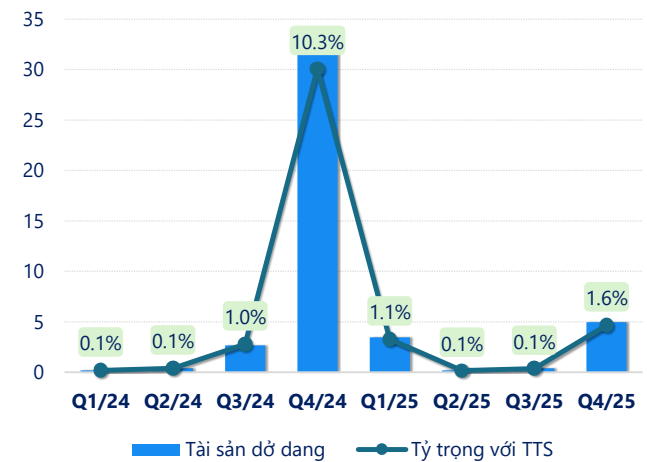

(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

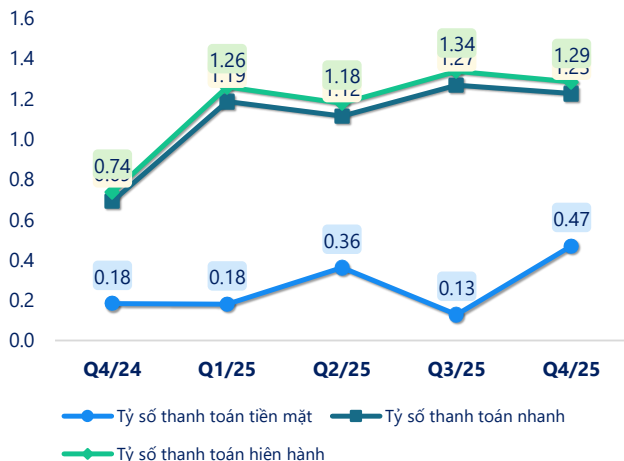
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

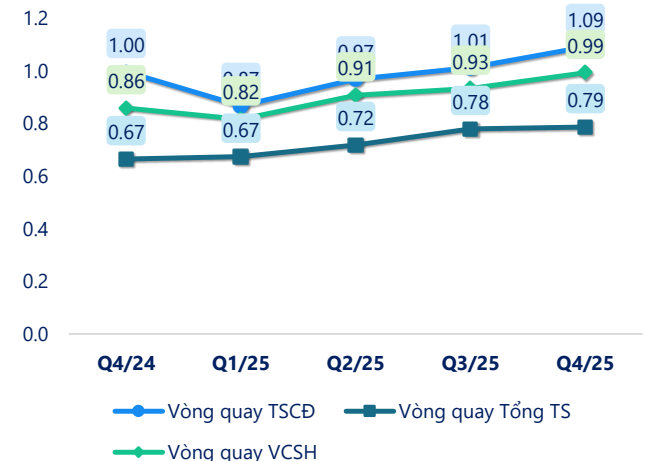
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Tổng tài sản	315	308	312	304	310
Tài sản ngắn hạn	50.0	49.3	60.7	48.0	50.4
Tiền và tương đương tiền	12.4	7.04	18.6	4.61	18.5
Đầu tư tài chính ngắn hạn	4.00	4.00	4.08	4.08	4.00
Phải thu ngắn hạn	27.4	34.0	34.2	36.2	23.1
Hàng tồn kho	2.93	2.83	3.22	2.47	2.30
Tài sản ngắn hạn khác	3.18	1.50	0.52	0.66	2.58
Tài sản dài hạn	265	259	251	256	260
Phải thu dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản cố định	214	240	231	238	237
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	32.5	3.45	0.18	0.38	4.96
Đầu tư tài chính dài hạn	4.86	4.86	4.86	4.86	4.86
Tài sản dài hạn khác	13.7	11.3	15.3	13.3	13.5
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	72.7	61.5	68.6	55.7	57.5
Nợ ngắn hạn	68.0	39.2	51.5	35.9	39.3
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.72	7.53	5.24	6.32	6.32
Phải trả người bán ngắn hạn	38.0	7.79	9.56	2.86	12.7
Nợ dài hạn	4.70	22.3	17.1	19.8	18.2
Vay và nợ thuê dài hạn	4.70	22.3	17.1	19.8	18.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	243	247	243	249	253
Vốn chủ sở hữu	243	247	243	249	253
Vốn điều lệ	215	215	215	215	215
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)